

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 281, Đường Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

MỤC LỤC	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 281, Đường Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum là Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Bến xe ô tô khách liên nội tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kon Tum, được chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/09/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Bến xe ô tô khách liên nội tỉnh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6100764426, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 08 tháng 04 năm 2021.

2. Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 281, Đường Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

3. Hoạt động kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; cho thuê mặt bằng; khách sạn, nhà trọ.

4. Ban lãnh đạo Công ty

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2020 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Hoàng Lâm
Ông Trần Minh Huy
Ông Trần Minh Huy
Bà Ngô Thị Thục Mỹ
Bà Lê Thị Lan
Ông Trần Văn Sự
Ông Phạm Quang Long

Chủ tịch (giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Chủ tịch (thôi giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Phó Chủ tịch (giữ chức vụ từ ngày 01/04/2021)
Thành viên (giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Thành viên (giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Thành viên
Thành viên (thôi giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)

Ban Kiểm soát:

Bà Mai Thanh Phương
Bà Trịnh Thị Thúy
Bà Trịnh Thị Thúy
Bà Nguyễn Thị Minh Hải
Bà Phạm Thị Hải Ngọc
Ông Nguyễn Trung Thông

Trưởng ban (giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Trưởng ban (thôi giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Thành viên
Thành viên (giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Thành viên (thôi giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)
Thành viên (thôi giữ chức vụ từ ngày 16/10/2020)

Ban Giám đốc

Bà Phạm Thị Hải Ngọc

Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật (bổ nhiệm từ ngày 01/04/2021)

Bà Lê Thị Lan

Giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 01/04/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 281, Đường Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 06 đến trang số 20 kèm theo. Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2020 sẽ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

TM. Hội đồng quản trị

Kon Tum, ngày 14 tháng 06 năm 2021

TM. Ban Giám đốc



Phạm Thị Hải Ngọc

SỐ: 104/2021/VACA-HN/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội



Bùi Ngô Liên – Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1006-2018-281-1*

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Phan Thanh Hoàn – Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4836-2019-281-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.550.645.009	4.632.160.668
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	510.044.215	863.497.476
1. Tiền	111		510.044.215	863.497.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.952.029.804	3.739.816.608
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.952.029.804	3.739.816.608
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.512.041	28.846.584
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	49.512.041	28.846.584
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.058.949	-
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.6	39.058.949	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.313.586.120	30.757.771.032
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.602.076.477	2.856.261.389
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	2.602.076.477	2.856.261.389
- Nguyên giá	222		5.842.165.741	5.842.165.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.240.089.264)	(2.985.904.352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.711.509.643	27.901.509.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	27.711.509.643	27.901.509.643
TỔNG TÀI SẢN	270		34.864.231.129	35.389.931.700

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		248.665.168	489.826.430
I. Nợ ngắn hạn	310		248.665.168	489.826.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	136.967.991	267.359.253
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.7	21.828.000	38.598.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		89.869.177	183.869.177
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.615.565.961	34.900.105.270
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.8	34.615.565.961	34.900.105.270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.797.400.000	32.797.400.000
- Cổ phiếu phổ thông được quyền biểu quyết	411a		32.797.400.000	32.797.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.033.170.275	928.780.989
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		784.995.686	1.173.924.281
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81.828.000	60.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		703.167.686	1.113.924.281
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		34.864.231.129	35.389.931.700

Kon Tum, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Phụ trách kế toán



Phan Thanh Hoàn

Giám đốc



Phạm Thị Hải Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.273.216.346	3.962.631.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.273.216.346	3.962.631.884
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.159.726.441	2.233.319.067
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.113.489.905	1.729.312.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	292.085.096	260.247.586
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	584.255.795	586.019.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		821.319.206	1.403.540.404
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	110.911	4.498.762
13. Lợi nhuận khác	40		(110.911)	(4.498.762)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		821.208.295	1.399.041.642
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	118.040.609	285.117.361
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		703.167.686	1.113.924.281
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	214	242

Kon Tum, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Phụ trách kế toán



Phan Thanh Hân

Giám đốc



Phạm Thị Hải Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.583.768.081	3.962.631.884
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(767.642.725)	(787.813.291)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.213.506.052)	(1.594.147.152)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(281.601.414)	(275.747.259)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	16.770.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.072.817.646)	(434.366.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	248.200.244	887.327.490
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.454.930.821)	(324.991.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.242.717.625	324.991.950
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	275.577.242	614.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	63.364.046	614.746
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(665.017.551)	(360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(665.017.551)	(360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(353.453.261)	527.942.236
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	863.497.476	335.555.240
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	510.044.215	863.497.476

Kon Tum, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Phụ trách kế toán

Phan Thanh Hân

Giám đốc



Phạm Thị Hải Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum là Công ty cổ phần, tiền thân là Bến xe ô tô khách liên nội tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kon Tum, được chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/09/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Bến xe ô tô khách liên nội tỉnh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6100764426, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 08 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở chính Công ty tại: Số nhà 281, Đường Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 là: 32.797.400.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Chia làm: 3.279.740 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; cho thuê mặt bằng; khách sạn, nhà trọ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nhỏ hơn 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo các văn bản số 260/UBND-HTĐT ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Quy hoạch, đầu tư Bến xe khách trên địa bàn TP. Kon Tum; Công văn số 219/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 06/03/2019 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kon Tum gửi Tổng Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư vốn Nhà nước (SCIC) về việc có ý kiến thống nhất và cam kết di dời Bến xe Kon Tum đến vị trí quy hoạch mới. UBND tỉnh đã có chủ trương di dời Bến xe Kon Tum ra khỏi khu vực trung tâm TP. Kon Tum.

Mặt khác, đại dịch Covid-19 đang có diễn biến phức tạp và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới có thể bị ảnh hưởng một cách đáng kể.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và không có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán, các thông tin này bảo đảm tính so sánh được.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính của Công ty là: Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Khi lập Báo cáo tài chính, Các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý,

phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 50

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

Công ty thực hiện phân bổ Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2020. Mức phân bổ hàng năm không dẫn tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ. Sau thời hạn 03 năm, Công ty tiếp tục phân bổ vào chi phí phần giá trị còn lại (nếu có) và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp. Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đã hoàn thành cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

9. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng; Khi một khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận, nhưng chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để ghi nhận giá vốn, kế toán căn cứ vào tính toán ban đầu, dự toán được phê duyệt để trích trước chi phí vào giá vốn trong kỳ.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, Chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; Hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	111.027.605	389.498.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	399.016.610	473.998.658
Tổng	510.044.215	863.497.476

V.2. Đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	3.952.029.804	3.952.029.804	3.739.816.608	3.739.816.608
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	3.952.029.804	3.952.029.804	3.739.816.608	3.739.816.608

V.3. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	49.512.041	-	28.846.584	-
- Thuế TNCN phải thu của NLD	4.157.603	-	-	-
- Lãi tiền gửi ước tính	45.354.438	-	28.846.584	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	49.512.041	-	28.846.584	-

V.4. Tài sản cố định hữu hình

Năm 2020	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
<u>Nguyên giá</u>		
Tại ngày 01/01/2020	5.842.165.741	5.842.165.741
Tại ngày 31/12/2020	5.842.165.741	5.842.165.741
<u>Hao mòn lũy kế</u>		
Tại ngày 01/01/2020	2.985.904.352	2.985.904.352
Khấu hao trong năm	254.184.912	254.184.912
Tại ngày 31/12/2020	3.240.089.264	3.240.089.264
<u>Giá trị còn lại</u>		
Tại ngày 01/01/2020	2.856.261.389	2.856.261.389
Tại ngày 31/12/2020	2.602.076.477	2.602.076.477

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.5. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	27.711.509.643	27.901.509.643
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê (*)	27.711.509.643	27.901.509.643
Tổng	27.711.509.643	27.901.509.643

(*) *Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê cần phân bổ là 27.901.509.643 đồng.*

Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý của mảnh đất 13.321 m² ở 281 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, TP Kon Tum đã được tính vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn của nhà nước khi cổ phần hóa vào năm 2010 (giá trị lợi thế vị trí địa lý được xác định tại chứng thư Vc 09/09/12/DN ngày 07/05/2009 của Công ty CP Thông tin và Thăm định giá Miền Nam). Hoàn thành quyết toán cổ phần hóa theo Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND tỉnh Kon Tum.

Mảnh đất này đã được UBND tỉnh Kon Tum chuyển đổi hình thức từ giao đất sang cho thuê đất trả tiền hàng năm (diện tích 13.321 m², thời hạn thuê 42 năm từ tháng 08/2010 đến tháng 08/2052) theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 22/10/2010 của UBND tỉnh Kon Tum.

Công ty đang được miễn tiền thuê đất theo các quy định tại: Điều 1 Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/04/2009; Điều 1 Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2012; Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/04/2015. Ngày 09/05/2016, Cục thuế tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 2781/QĐ-CT miễn toàn bộ tiền thuê mảnh đất 13.321 m² nói trên cho Công ty cổ phần Bến xe Kon Tum, thời gian miễn tiền thuê đất là 42 năm (từ tháng 2/2016 đến tháng 8/2052).

Khi Thông tư 127/2014/TT-BTC **còn hiệu lực thi hành**, Công ty chưa tiến hành Đại hội cổ đông quyết định việc giảm phần vốn nhà nước tương ứng với giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào phần vốn nhà nước, số tiền 27.901.509.643 đồng theo quy định tại điểm b, khoản 4, điều 25 Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Theo đó, nếu xử lý theo quy định nêu trên, số dư các khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) và Vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411) sẽ giảm đi số tiền 27.901.509.643 đồng.

Theo quy định tại Khoản 24, Điều 1, Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần:

24. Điều 48 được sửa đổi, bổ sung như sau:

b) Khoản 3 được sửa đổi như sau:

“3. Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ có hiệu lực thi hành có giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng chưa thực hiện phân bổ hết vào chi phí sản xuất kinh doanh và chưa thực hiện khấu trừ hết vào tiền thuê đất, công ty cổ phần thực hiện phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê còn lại vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành. Mức phân bổ hàng năm không dẫn tới kết quả sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần bị lỗ. Sau thời hạn 03 năm, công ty cổ phần tiếp tục phân bổ vào chi phí phần giá trị còn lại (nếu có) và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty cổ phần có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.”

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Theo đó, Công ty thực hiện phân bổ Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2020. Mức phân bổ hàng năm không dẫn tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ. Sau thời hạn 03 năm, Công ty tiếp tục phân bổ vào chi phí phần giá trị còn lại (nếu có) và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2020, Công ty phân bổ Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá vốn hàng bán số tiền 190.000.000 đồng.

V.6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	141.361.029	305.252.466	316.288.919	130.324.576
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	124.501.856	118.040.609	242.542.465	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.496.368	9.728.695	4.581.648	6.643.415
- Thuế BVMT và các thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	267.359.253	436.021.770	566.413.032	136.967.991
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-	39.058.949	39.058.949
Tổng	-	-	39.058.949	39.058.949

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã thực nộp trong năm 2020 là: 281.601.414 đồng

V.7. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn		
Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách Công ty TNHH Minh Quốc	21.828.000	21.828.000
	-	16.770.000
Tổng	21.828.000	38.598.000
b) Dài hạn		
Tổng	-	-

V.8. Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư vốn Nhà nước - SCIC	31.822.900.000	31.822.900.000
Vốn góp của các cổ đông khác	974.500.000	974.500.000
Tổng	32.797.400.000	32.797.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỀN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

b. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2019	32.797.400.000	824.391.703	784.089.286	34.405.880.989
Lãi trong năm trước	-	-	1.113.924.281	1.113.924.281
Phân phối lợi nhuận	-	104.389.286	(724.089.286)	(619.700.000)
Tại ngày 31/12/2019	32.797.400.000	928.780.989	1.173.924.281	34.900.105.270
Tại ngày 01/01/2020	32.797.400.000	928.780.989	1.173.924.281	34.900.105.270
Lãi trong năm nay	-	-	703.167.686	703.167.686
Phân phối lợi nhuận	-	104.389.286	(1.092.096.281)	(987.706.995)
Tại ngày 31/12/2020	32.797.400.000	1.033.170.275	784.995.686	34.615.565.961

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.797.400.000	32.797.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	32.797.400.000	32.797.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	666.006.995	360.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.279.740	3.279.740
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	3.279.740	3.279.740
+ Cổ phiếu phổ thông	3.279.740	3.279.740
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.279.740	3.279.740
+ Cổ phiếu phổ thông	3.279.740	3.279.740
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm 2020	Năm 2019
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		2,03067%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa công bố tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 là 2,03067% mệnh giá

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

VI.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	3.273.216.346	3.962.631.884
Tổng	3.273.216.346	3.962.631.884

VI.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.969.726.441	2.233.319.067
Phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê (*)	190.000.000	-
Tổng	2.159.726.441	2.233.319.067

(*) Tham chiếu thuyết minh số V.5. Chi phí trả trước

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	292.085.096	260.247.586
Tổng	292.085.096	260.247.586

VI.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên	528.933.916	544.949.599
Thuế phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.000.000	24.700.983
Chi phí bằng tiền khác	26.321.879	13.369.417
Tổng	584.255.795	586.019.999

VI.5. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản phạt, tiền chậm nộp thuế	110.911	4.498.762
Tổng	110.911	4.498.762

VI.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	821.208.295	1.399.041.642
Điều chỉnh Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.938.911	26.545.165
- Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	21.938.911	26.545.165
Thu nhập chịu thuế	843.147.206	1.425.586.807
Thu nhập tính thuế	843.147.206	1.425.586.807
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Số thuế TNDN phải nộp trước miễn giảm	168.629.441	285.117.361
Giảm 30% số thuế phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14	50.588.832	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	118.040.609	285.117.361

VI.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	703.167.686	1.113.924.281
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	703.167.686	1.113.924.281
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	321.700.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	3.279.740	3.279.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng / cổ phiếu)	214	242

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 trước điều chỉnh hồi tố là 340 đồng/ cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 trên Báo cáo tài chính năm 2020 được tính lại theo thực tế số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 (căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/10/2020). Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 sau điều chỉnh hồi tố là 242 đồng/ cổ phiếu.

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa có dự định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 do chưa tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được tạm tính chưa bao gồm số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 sẽ được tính lại và trình bày trên báo cáo tài chính năm 2021.

VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê	190.000.000	-
Chi phí nhân công	1.642.861.868	1.758.858.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	254.184.912	254.184.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.931.298	551.461.065
Chi phí khác bằng tiền	240.004.158	254.834.770
Tổng	2.743.982.236	2.819.339.066

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Theo các văn bản số 260/UBND-HTĐT ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Quy hoạch, đầu tư Bến xe khách trên địa bàn TP. Kon Tum; Công văn số 219/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 06/03/2019 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kon Tum gửi Tổng Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư vốn Nhà nước (SCIC) về việc có ý kiến thống nhất và cam kết di dời Bến xe Kon Tum đến vị trí quy hoạch mới. UBND tỉnh đã có chủ trương di dời Bến xe Kon Tum ra khỏi khu vực trung tâm TP. Kon Tum.

Mặt khác, đại dịch Covid-19 đang có diễn biến phức tạp và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới có thể bị ảnh hưởng một cách đáng kể. Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội.

Kon Tum, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Phụ trách kế toán



Phan Thanh Toán

Giám đốc



Phạm Thị Hải Ngọc